

Bản án số: 97/2019/HS-ST

Ngày: 10 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bạch Quảng.

Ông Ngô Xuân Dệt.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 103/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

*** Nguyễn Thị Hồng L**, sinh năm 1977 tại TP.H; Nơi đăng ký HKTT: Phường 1, quận G, TP.H; Chỗ ở: Ấp 2, Tổ 6, xã N, huyện H, TP.H; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến P (đã chết) và bà Lê Thị Hồng C; bị cáo có chồng là Trần Hữu T, sinh năm 1974 và 02 người con, sinh năm 2000 và 2006, chồng và các con của bị cáo hiện trú tại Ấp 2, Tổ 6, xã Nhị B, huyện H, TP.H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/8/2014 bị Tòa án nhân dân quận G, TP.H xử phạt 07 tháng tù giam về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Bản án số 207/2014/HSST, đến ngày 21/02/2015 chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích). Bị cáo đang bị tạm giữ từ ngày 06/4/2019 cho đến nay, hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

** Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Hà V, sinh năm 1987; địa chỉ: 01 Lê Văn Hưu, tổ 3, phường Yên T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chùa Bửu H; địa chỉ: 100 Thống Nhất, tổ 5, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện: Ông Phan Đình K, sinh năm 1979, pháp danh: Thích Đức T - là

trụ trì chùa Bửu H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chùa Bửu C; địa chỉ: hẻm 279 Phạm Văn Đồng, tổ 2, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Người đại diện: Bà Nguyễn Trương Diệu P, sinh năm 1965, pháp danh: Ni sư Minh N - là trụ trì chùa Bửu C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: 105 Nguyễn Văn Nghi, phường 7, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm 1966; địa chỉ: 86 Trường Chinh, tổ 9, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Trần Hữu T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp 2, tổ 6, xã N, huyện H, thành phố H. Vắng mặt.

** Người chứng kiến:*

Ông Trương Âu V, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 2, phường, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS ngày 22 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Hồng L về hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/12/2018 đến ngày 05/4/2019, Nguyễn Thị Hồng L đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người khác đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 15 giờ ngày 07/12/2018, Nguyễn Thị Hồng L điều khiển xe mô tô 81B1-774.43 đến chùa Bửu H ở số 100 đường T, phường I, TP.P, tỉnh Gia Lai để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, Loan dựng xe ở ngoài và đi vào trong chính điện của chùa, thì phát hiện chị Nguyễn Thị Hà V (sinh năm 1987, trú Tổ 3, phường Y, TP.P) để trên hành lang 01 ví cầm tay và vào trong thấp nhang; trong ví có 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng đồng, 01 giấy Chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô, 01 Giấy phép lái xe cùng 01 thẻ ATM đều mang tên Nguyễn Thị Hà V, 01 thẻ ATM mang tên Phạm Văn Đ và 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Quan sát thấy không có người xung quanh, L trộm cắp chiếc ví của chị V rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Khi kiểm tra bên trong ví, L lấy 2.000.000 đồng, điện thoại di động, giấy Chứng minh nhân dân và Giấy đăng ký xe mô tô của chị V; các giấy tờ còn lại và chiếc ví L vứt bỏ. Sau đó, L mang điện thoại di động Samsung J7 Prime đến cầm cố cho ông Trần Văn D (sinh năm 1985, trú Phường 7, quận G, TP.H) được 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm ngàn đồng) sử dụng tiêu xài; số tiền mặt trộm cắp được, L cũng đã tiêu xài hết. Giấy Chứng minh nhân dân và Giấy đăng ký mô tô của chị V, L mang về cất giấu tại nhà của mình ở Ấp 2, Tổ 6, xã N, huyện H, TP.H. Sau khi hành vi trộm cắp của L bị phát

hiện, ông Trần Hữu T (sinh năm 1974, là chồng của L), đã chuộc lại điện thoại di động Samsung J7 Prime mà Loan đã thế chấp và giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.PI cùng với giấy Chứng minh nhân dân và Giấy đăng ký mô tô của chị V. Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị L chiếm đoạt, điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng đồng của chị V trị giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng), ví da kích thước (32x27)cm trị giá 50.000 đồng. Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại, giấy Chứng minh nhân dân và Giấy đăng ký mô tô cho chị V. Đối với chiếc ví da và các giấy tờ bên trong, do L không nhớ rõ ví trị vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 05/4/2019, Nguyễn Thị Hồng L điều khiển xe mô tô 81B1-77.443 đi dạo đến các chùa trên địa bàn TP.P để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi L mang theo 01 thanh kim loại mỏng, kích thước (14x2)cm, một đầu được dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước dài 117 cm, để làm công cụ trộm cắp tiền trong hòm công đức của chùa. Khoảng 07 giờ ngày 05/4/2019, L đến chùa Bửu H ở số 100 đường Thống Nhất, TP.P, do ông Thích Đức T (sinh năm 1979) trụ trì, để trộm cắp tài sản. L dựng xe mô tô trước cổng chùa, rồi đi vào trong và đến hòm công đức của chùa, thả thanh kim loại có dán băng keo hai mặt vào khe của hòm công đức để tiền dính vào thanh kim loại. Bằng cách này, L đã trộm cắp được 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tại 03 hòm công đức trong chùa Bửu H, rồi tẩu thoát.

Lần thứ ba: Khoảng 12 giờ ngày 05/4/2019, Nguyễn Thị Hồng L điều khiển mô tô 81B1-77443 đến chùa Bửu C ở hẻm số 279 đường Phạm Văn Đồng, phường Thống N, TP.P, do bà Nguyễn Trương Diệu P (sinh năm 1965) trụ trì, để tiếp tục trộm cắp tài sản. Cũng với thủ đoạn như ở chùa Bửu H, L đã trộm cắp được 220.000 đồng (hai trăm hai mươi ngàn đồng) trong hòm công đức của chùa Bửu C, rồi tẩu thoát.

Đến 15 giờ ngày 06/4/2019, Nguyễn Thị Hồng L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp đã thực hiện. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Loan các đồ vật tài sản gồm: 01 thanh kim loại mỏng, kích thước (14x2)cm, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước dài 117 cm; 01 thanh kim loại mỏng, kích thước (17x2)cm, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước dài 112cm; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81B1-77443; 01 đoạn băng keo hai mặt dài 13cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 màu xanh kèm sim số; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen kèm sim số; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng L và 8.090.000 đồng (tám triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Đối với các đồ vật, tài sản thu giữ trong vụ án, qua điều tra xác định:

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81B1-77443 là tài sản của ông Nguyễn Hùng A (sinh năm 1966, trú Tổ 9, phường Phù Đ, TP.P). Ông A cho L thuê xe trên để sử dụng, việc L dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông A không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho ông A, ông A không có yêu cầu gì khác.

- 02 thanh kim loại mỏng, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước và 01 đoạn băng keo hai mặt dài 13cm là các công cụ L sử dụng để trộm cắp tiền trong các hòm công đức của nhà chùa; các điện thoại di động kèm theo sim số và thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng L là tài sản và giấy tờ tùy thân của L, không liên quan đến hành vi trộm cắp do Loan thực hiện. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chuyển các đồ vật, tài sản trên theo vụ án để xử lý.

- Trong số tiền 8.090.000 đồng (tám triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) có 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) do L trộm cắp tại chùa Bửu H và 220.000 đồng (hai trăm hai mươi ngàn đồng) do L trộm cắp tại chùa Bửu C. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại 2.575.000 đồng cho ông Thích Đức T và trả lại 220.000 đồng cho bà Nguyễn Trương Diệu P. Theo đề nghị của L, Cơ quan điều tra đã trả lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Hà V. Số tiền còn lại là 3.295.0000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) không có căn cứ xác định có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản do Loan thực hiện, Cơ quan điều tra chuyển theo vụ án để xử lý.

Về dân sự: Sau được khi nhận lại tài sản đã bị chiếm đoạt các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì khác.

Quá trình điều tra vụ án, ngoài 03 lần trộm cắp tài sản nêu trên Nguyễn Thị Hồng L khai nhận còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác tại nhiều chùa khác nhau trên địa bàn TP.P, nhưng L không xác định được tên chùa và địa điểm. Ngoài lời khai của L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, nên không có đủ cơ sở để kết luận về những vụ trộm cắp mà L khai như nêu trên.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung, quyết định đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 06/4/2019). Không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy công cụ dùng vào việc phạm tội; trả lại giấy tờ tùy thân và tài sản cho bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Về bồi thường dân sự: Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Với thủ đoạn lợi dụng sự chủ quan, mất cảnh giác của người đi lễ chùa và lợi dụng hòm công đức của các chùa không có người trông coi, trong thời gian từ ngày 07/12/2018 đến ngày 05/4/2019, Nguyễn Thị Hồng L đã thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản (trong đó có 02 lần cấu thành tội phạm, 01 lần chưa cấu thành tội phạm) của chị Nguyễn Thị Hà V, chùa Bửu H (số 100 đường T, phường I, TP.P) và Bửu C (hẻm 279 đường P, phường T, TP.P), chiếm đoạt được 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime trị giá 2.100.000 đồng, 01 (một) chiếc ví da trị giá 50.000 đồng, 4.795.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và một số giấy tờ khác; tổng trị giá tài sản L chiếm đoạt là 6.945.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Đến ngày 06/4/2019 Loan ra đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng giá trị 6.945.000 đồng như đã nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị Hồng L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ sức khỏe, vì muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu vật chất cho bản thân nhưng lười lao động nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như trên. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng đã gây mất trật tự trị an xã hội, làm hoang mang trong đời sống nhân dân, làm ảnh hưởng đến sự tôn nghiêm về niềm tin tín ngưỡng của nơi thờ tự tôn giáo. Hơn nữa, trước đây bị cáo cũng có hành vi, thủ đoạn trộm cắp tài sản tại chùa tương tự như trên và đã bị Tòa án nhân dân quận G, TP.H xử phạt 07 tháng tù giam về tội: “Trộm cắp tài sản” (theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009) tại Bản án số 207/2014/HSST ngày 21/8/2014, đến ngày 21/02/2015 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (bản án này đã được xóa án tích). Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo không thấy được sai lầm phạm tội trước đây đã bị trừng trị để làm bài học mà lần này tiếp tục thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản nêu trên (trong đó 01 lần chưa cấu thành tội phạm), đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, do đó cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhằm giáo dục bị cáo để trở thành công dân có ích cho xã hội và góp phần phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và khai ra 01 vụ đã phạm tội vào ngày 07/12/2018 (vụ thứ 1); thành khẩn khai báo; đã bồi thường thiệt hại nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo theo quy định tại các điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Ngoài 03 lần trộm cắp tài sản nêu trên bị cáo còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp khác tại nhiều chùa khác nhau trên địa bàn TP.P, nhưng bị cáo không xác định được tên chùa và địa điểm. Ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có đủ cơ sở để kết luận về những vụ trộm cắp mà bị cáo khai như nêu trên, sau này Cơ quan điều tra Công an TP.P thu thập được đầy đủ chứng cứ các vụ như bị cáo khai ở trên thì sẽ xem xét trong một vụ án khác.

[3] Đối với Trần Văn D, là người nhận cầm cố điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Thị Hồng L trộm cắp được, qua điều tra xác định: Khi nhận cầm cố điện thoại di động do L mang đến, D không biết đó là tài sản do L trộm cắp mà có, do đó không đủ căn cứ truy tố Trần Văn D phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[4] Về vật chứng:

Đối với các đồ vật, tài sản thu giữ của vụ án trong giai đoạn điều tra xử lý như sau:

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển số 81B1-77443 là tài sản của ông Nguyễn Hùng A, ông A cho L thuê xe trên để sử dụng, việc L dùng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản thì ông A không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại xe mô tô trên cho ông A, ông A không có yêu cầu gì khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xét lại.

- 02 chiếc điện thoại di động kèm theo sim số và thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng L là tài sản và giấy tờ tùy thân của L, không liên quan đến hành vi phạm tội của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

- 02 thanh kim loại mỏng, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước và 01 đoạn băng keo hai mặt dài 13cm là các công cụ Loan sử dụng để trộm cắp tiền trong các hòm công đức của nhà chùa. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

- Trong số tiền 8.090.000 đồng (tám triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) có 2.575.000 đồng (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) do L trộm cắp tại chùa Bửu H và 220.000 đồng (hai trăm hai mươi ngàn đồng) do L trộm cắp tại chùa Bửu C. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại 2.575.000 đồng cho ông Thích Đức T và trả lại 220.000 đồng cho bà Nguyễn Trương Diệu P. Theo đề nghị của L, Cơ quan điều tra đã trả lại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Hà V. Số tiền còn lại là 3.295.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) không có căn cứ xác định có liên quan đến hành vi của vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho bị cáo.

[5] Về bồi thường dân sự:

Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những nhận định và xem xét, quyết định nêu trên của Hội đồng xét xử nên nhận thấy những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình điều tra, truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm i, r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng L 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (06/4/2019).

2. Về vật chứng:

Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) thanh kim loại mỏng, kích thước 14 x 2cm, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước dài 117cm; 01 (một) thanh kim loại mỏng, kích thước 17 x 2cm, dán băng keo hai mặt, một đầu cột dây cước dài 112cm; 01 (một) băng keo hai mặt dài 13cm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Hồng L: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F9, màu xanh kèm sim số (đã qua sử dụng, không rõ tốt xấu); 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Intel, màu đen, kèm sim số (loại bàn phím, đã qua sử dụng, không rõ tốt xấu); 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Hồng L; 3.295.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/8/2019 giữa Công an thành phố P và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng L chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát TP.Pl;
- Công an TP.P;
- Thi hành án dân sự TP.P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; người có ql&nvql;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa